TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: /2022/HN&GĐ-ST
Ngày: 30-5-2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Võ Thị Ngọc Mai;

2/ Bà Nguyễn Thị Bình.

Thư ký phiên toà: Ông Tô Văn Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 469/2021/TLST-HN&GĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXXST-HN&GĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST-HN&GĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu Th, sinh năm 1999;

Nơi cư trú: Số nhà 440, đường Mê Pu – Đa Kai, thôn 4, xã SN, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Phạm Xuân H, sinh năm 1996;

Nơi cư trú: Số nhà 37, đường Mê Pu – Đa Kai, thôn 2, xã SN, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị Th và anh H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2020, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã SN. Sau khi kết hôn, chị Th và anh H chung sống được 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm về cuộc sống bất đồng, dẫn đến không thể nói chuyện, chia sẻ với nhau, chị Th đã cố gắng nhưng không giải quyết được, chị Th cảm thấy H phúc hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh H.

Về con chung: Chị Th xác định giữa chị và anh H có với nhau 01 con chung tên Phạm Quỳnh L, sinh ngày 03/9/2020. Sau khi ly hôn, chị Th yêu cầu được quyền nuôi con chung; yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 2.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Anh H và chị Th tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2020, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SN; sau khi kế hôn thì anh chị vào Tp. Hồ Chí Minh sinh sống và làm ăn, cuộc sống hôn nhân H phúc không có mâu thuẫn gì lớn, cho đến khi chị Th về quê sinh con cho đến nay thì anh H vẫn làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, anh H không biết lý do tại sao chị Th lại làm đơn xin ly hôn anh; anh H xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị Th nên không đồng ý ly hôn chị Th.

Về con chung: Anh H và chị Th có với nhau 01 con chung tên Phạm Quỳnh L, sinh ngày 03/9/2020, nếu xảy ra ly hôn thì anh H cũng yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu Th khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn Phạm Xuân H; anh H có nơi cư trú tại thôn 2, xã SN, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2.

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Căn cứ bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 16 do Ủy ban nhân dân xã SN cấp vào ngày 23/3/2020, có căn cứ khẳng định chị Th và anh H kết

hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SN. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh H được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị Th và anh H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân; sau khi tổ chức lễ cưới thì anh chị sống chung với nhau như vợ chồng không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của chị Th là do quan điểm về cuộc sống bất đồng, dẫn đến không thể nói chuyện, chia sẻ với nhau, anh H cho rằng giữa anh vá chị Th không có mâu thuẫn gì lớn; hiện tại chị Th và anh H không còn quan hệ như vợ chồng, hai bên đã ly thân, thời gian ly thân hai bên không có thiện chí hàn gắn lại quan hệ tình cảm, qua hòa giải và tại phiên tòa chị Th đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết yêu cầu được ly hôn anh H.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh H đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th đối với anh H.

[3.2] Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 153 do Ủy ban nhân dân xã SN cấp ngày 07/9/2020 thì có căn cứ khẳng định cháu Phạm Quỳnh L, sinh ngày 03/9/2020 là con chung của chị Th và anh H.

Sau khi ly hôn, chị Th và anh H đều có yêu cầu được quyền nuôi con. Nhận thấy, tại thời điểm giải quyết ly hôn thì cháu L còn dưới 36 tháng tuổi, là cháu gái và do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống vật chất và tinh thần của cháu ổn định; mặc khác, công việc và thu nhập hiện tại của chị Th ổn định, đủ điều kiện nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung về mặt tâm sinh lý cũng như không nên làm xáo trộn cuộc sống của con chung. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, quyết định giao cho chị Th quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu L. Anh H không trực tiếp nuôi con chung nhưng anh H vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị Th và không xem xét giải quyết trong bản án này.

[3.4] Về tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị Th và anh H về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản và nợ trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thu Th.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu Th ly hôn anh Phạm Xuân H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 16 do Ủy ban nhân dân xã SN cấp vào ngày 23/3/2020, cấp cho chị Phạm Thị Thu Th và anh Phạm Xuân H hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Thu Th quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Phạm Quỳnh L, sinh ngày 03/9/2020.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Ghi nhận ý kiến của chị Phạm Thị Thu Th về việc không yêu cầu anh Phạm Xuân H cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề tài sản, nợ chung trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu Th phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0009060 ngày 29/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/5/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã SN;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

MAI THUẬN